

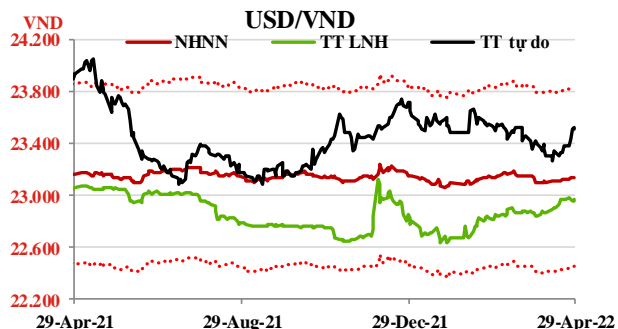
TỔNG QUAN**Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 4/2022 tăng nhẹ.**

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 4 tăng nhẹ 0,18% so với tháng trước; tăng 2,09% so với tháng 12/2021 và tăng 2,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng theo giá nguyên liệu đầu vào sản xuất; dịch vụ giáo dục tăng trở lại tại một số địa phương sau thời gian miễn giảm học phí; giá ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ du lịch tăng theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm CPI tháng 4/2022 tăng. Bình quân 4 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 0,89% của 4 tháng đầu năm 2021, nhưng thấp hơn mức tăng của 4 tháng đầu năm 2017-2020. Lạm phát cơ bản tăng 0,97%.

Trong mức tăng 0,18% của CPI tháng 4/2022 so với tháng trước có 8 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 3 nhóm hàng có chỉ số giá giảm. Cụ thể, trong 8 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch có mức tăng cao nhất với 1,16% do giá dịch vụ du lịch trọn gói tăng 5,22% so với tháng trước nhờ nhu cầu du lịch tăng trở lại. Tiếp theo là nhóm giáo dục tăng 0,96% (làm CPI chung tăng 0,06 đpt). Trong đó, dịch vụ giáo dục tăng 1,07% do một số địa phương tăng học phí trở lại năm học 2021-2022 sau thời gian miễn, giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Nhóm nhà ở và VLXD tăng 0,58% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,02%. Cụ thể, giá thép tăng khi giá nguyên liệu từ quặng sắt, thép phế liệu... tăng mạnh; giá nguyên vật liệu đầu vào trong sản xuất xi măng như xăng dầu và than đá tăng cao. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,32% do chủ yếu ở các mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào mùa hè: Giá máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,34% so với tháng trước; giá quạt điện tăng 0,2%; giá tủ lạnh tăng 0,1%... Ở chiều ngược lại, bình nước nóng giảm 0,1% so với tháng trước và chăn, màn, gối giảm 0,15%. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,22% do thời tiết chuyển nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát tăng: Giá nước khoáng tăng 0,16%; nước giải khát có ga tăng 0,26%; nước quả ép tăng 0,28%. Rượu bia và thuốc hút lần lượt tăng 0,3% và 0,12% so với tháng trước. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,18%, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ dùng cá nhân như máy dùng điện chăm sóc cá nhân tăng 0,08%; dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 0,12%; dịch vụ hiệu hi tăng 0,26%. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,12%. Ngoài ra, nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03% do thời tiết giao mùa, các loại vi rút gây bệnh sinh sôi, người dân tăng mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch, trong đó giá nhóm thuốc vitamin, khoáng chất tăng 0,04%; nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm tăng 0,36%; giá nhóm thuốc về đường tiêu hóa tăng 0,11%. Ở chiều ngược lại, báo cáo cũng chỉ ra 3 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,05% (làm CPI chung giảm 0,02 đpt), trong đó: Lương thực giảm 0,21% (tác động CPI chung giảm 0,04 đpt); Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,12%. Bên cạnh đó, nhóm giao thông giảm 0,59% (làm CPI chung giảm 0,06 đpt) do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá xăng dầu vào ngày 01/04, 12/04 và 21/04 làm cho giá xăng giảm 2,5%; giá dầu diezen tăng 7,01%. Ngoài ra, giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 3,72% do giá nhiên liệu tăng; giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,42%; phí thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,32%; phí học bằng lái xe tăng 0,11%. Lạm phát cơ bản tháng 4/2022 tăng 0,44% so với tháng trước, tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 0,97% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,1%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm và giá xăng, dầu.

Theo các chuyên gia kinh tế, lạm phát năm nay không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới đều chịu áp lực tăng cao khi giá dầu tăng, những biến động sau đại dịch Covid-19 làm cho giá các nguyên liệu đầu vào của sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều tăng khá mạnh như phân bón, nguyên phụ liệu cho dệt may da giày, hóa chất, nhựa các loại... Ngoài ra, các chi phí về vận chuyển logistics vẫn neo ở mức cao, chưa hạ nhiệt. Chiến sự tại Nga – Ukraine vẫn tiếp tục diễn ra. Áp lực tăng giá trong nước còn đến từ việc điều chỉnh giá một số dịch vụ công theo lộ trình điều chỉnh giá với các mặt hàng do Nhà nước quản lý là giá dịch vụ y tế, giáo dục, giá điện. Theo Bộ Công Thương, có 2 kịch bản triển vọng năm 2022. Với kịch bản 1: Giá thế giới tiếp tục tăng do tác động kép của kinh tế thế giới hồi phục và các góp kích cầu khổng lồ các nước đã tung ra; Mặt bằng giá của Việt Nam theo đó chịu sức ép tăng; Cầu nội địa có thể tăng nếu kinh tế Việt Nam cũng phục hồi. Trong bối cảnh đó, nếu không có biện pháp phù hợp, quyết liệt, khả năng CPI có thể tăng trên 4%. Với kịch bản 2: Biến thể mới Omicron cộng với biến thể Delta có trước đó khiến đại dịch tiếp tục ảnh hưởng nặng nề; Kinh tế thế giới vẫn trì trệ; Giá thế giới không tăng mạnh; Mặt bằng giá Việt Nam khó tăng cao. Trong bối cảnh đó, CPI bình quân năm 2022 sẽ đạt bình quân 2,5 - 3%.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 25/04 - 29/04, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh theo hướng tăng. Phiên cuối tuần 29/04, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.140 VND/USD, tăng 17 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được duy trì niêm yết ở mức 23.050 VND/USD.

Tỷ giá LNH tiếp tục xu hướng tăng của tuần trước đó. Chốt tuần 29/04, tỷ giá LNH đóng cửa tại 22.957 VND/USD, tăng 54 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do cũng tăng tích cực trong tuần qua. Chốt phiên cuối tuần 29/04, tỷ giá tự do tăng mạnh 135 đồng ở chiều mua vào và 130 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.460 VND/USD và 23.490 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	1.50	0.09	0.45	0.04	3Y	2.02	-0.032
1W	1.98	0.14	0.56	0.08	5Y	2.11	-0.118
2W	2.12	0.05	0.61	0.08	7Y	2.51	-0.052
1M	2.24	0.05	0.70	0.11	10Y	2.99	-0.079
2M	2.34	0.03	0.78	0.05	15Y	3.15	-0.062
3M	2.38	-0.01	0.88	0.08			
6M	2.66	0.05	1.08	0.05			
9M	2.70	0.00	1.32	0.01			
1Y	2.88	-0.02	1.46	0.02			

Nguồn: Reuters

Tuần từ 25/04 - 29/04, lãi suất VND LNH biến động tăng nhẹ ở tất cả các kỳ hạn qua hầu hết 5 phiên. Chốt ngày 29/04, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 1,50% (+0,09 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 1,98% (+0,14 đpt); 2W 2,12 (+0,05 đpt); 1M 2,24% (+0,05 đpt).

Lãi suất USD LNH tuần qua tiếp tục tăng tương tự tuần trước đó. Chốt tuần 29/04, lãi suất USD LNH đóng cửa tăng 0,04 – 0,11 đpt ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: ON 0,45%; 1W 0,56%; 2W 0,61% và 1M 0,70%.

• **Thị trường mở**

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
29-04-22	1	14	2.50	10,000	3,109.44	283.80	2,825.64	6,034.76
28-04-22	1	14	2.50	10,000	341.67	369.09	-	27.42
27-04-22	1	14	2.50	10,000	284.03	-	284.03	3,236.54
26-04-22	1	14	2.50	10,000	284.01	333.64	-	49.63
25-04-22	1	14	2.50	10,000	284.00	-	284.00	3,002.14
Tổng cộng				50,000	4,303.15	986.53	3,316.62	

Trên thị trường mở tuần từ 25/04 - 29/04, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng/phiên trên kênh cầm cố ở cả 5 phiên, đều với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 4.303,15 tỷ đồng trúng thầu trong tuần qua, trong đó phiên cuối tuần có 3.109,44 tỷ đồng trúng thầu. Trong tuần có 986,53 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 3.316,62 tỷ VND ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên mức 6.034,76 tỷ VND.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN.

• **Thị trường trái phiếu**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp rất trầm lắng.

Ngày 26/04, NHCSXH huy động thành công 100/3500 tỷ đồng TPCP (tỷ lệ trúng thầu 3%). Toàn bộ khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 5 năm, lãi suất tại 2,39%/năm (+1,63%). Các kỳ hạn còn lại 3 năm, 10 năm và 15 năm đấu thầu thất bại.

Ngày 27/04, KBNN gọi thầu 5.000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn từ 5 năm tới 30 năm, tuy nhiên phiên đấu thầu thất bại. Vùng lãi suất đặt thầu thấp nhất đồng loạt tăng từ 2 – 4 điểm so với phiên trước đó.

Trong tuần vừa qua từ 25-29/04 và trong tuần này từ 04-06/05 đều không có lượng TPCP đáo hạn.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
VBSP	26-Apr-22	3	1000	0	0.00%	0.00%	0%	1.10	3
VBSP	26-Apr-22	5	1000	100	2.39%	1.63%	10%	1.30	3
VBSP	26-Apr-22	10	800	0	0.00%	0.00%	0%	1.13	3
VBSP	26-Apr-22	15	700	0	0.00%	0.00%	0%	1.00	1
MOF	27-Apr-22	5	500	0	0.00%	0.00%	0%	1.10	5
MOF	27-Apr-22	10	2000	0	0.00%	0.00%	0%	1.73	12
MOF	27-Apr-22	15	2000	0	0.00%	0.00%	0%	1.53	6
MOF	27-Apr-22	30	500	0	0.00%	0.00%	0%	1.94	4
Tổng			8500	100			1%	1.41	

Kể từ đầu năm đến 27/04/2022, KBNN mới huy động thành công 45 nghìn tỷ đồng TPCP, hoàn thành 11% kế hoạch cả năm và chỉ 4% kế hoạch quý II/2022.

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 9.166 tỷ đồng/phiên, tăng so với mức 8.788 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thông kê giao dịch Outright						Thông kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
25/Apr/22	304	117	2,889	1,885	5,195	25/Apr/22	2,870	-	-	-	2,870
26/Apr/22	203	173	2,266	3,298	5,940	26/Apr/22	6,646	-	-	-	6,646
27/Apr/22	157	458	2,156	1,464	4,234	27/Apr/22	2,895	2,577	-	-	5,472
28/Apr/22	157	405	1,930	623	3,115	28/Apr/22	2,597	2,553	761	-	5,911
29/Apr/22	109	560	1,877	445	2,991	29/Apr/22	3,456	-	-	-	3,456
Tổng	931	1,714	11,118	7,713	21,476	Tổng	18,465	5,129	761	-	24,356
+_ WoW	193	(1,336)	(7,275)	(3,846)	(12,263)	+_ WoW	9,410	4,239	508	-	14,157
% WoW	26%	-44%	-40%	-33%	-36%	% WoW	104%	476%	200%	-	139%
Tỷ trọng	4%	8%	52%	36%	100%	Tỷ trọng	76%	21%	3%	0%	100%

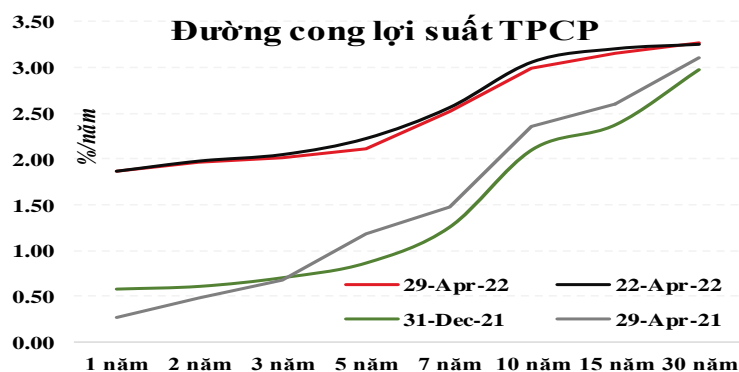
Dvt: Tỷ đồng

Dvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP điều chỉnh giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 29/04, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 1,86% (-0,01 đpt); 2 năm 1,96% (-0,02 đpt); 3 năm 2,02% (-0,03 đpt); 5 năm 2,11% (-0,12đpt); 7 năm 2,51% (-0,05 đpt); 10 năm 2,99% (-0,08 đpt); 15 năm 3,15% (-0,06 đpt); 30 năm 3,27% (+0,01 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

%/năm	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	30 năm
29-Apr-22	1.86	1.96	2.02	2.11	2.51	2.99	3.15	3.27
So MoM	-0.01	-0.02	-0.03	-0.118	-0.05	-0.08	-0.06	0.013
So YoY	1.60	1.48	1.34	0.93	1.04	0.63	0.55	0.16
So YTD	1.28	1.36	1.32	1.25	1.26	0.89	0.78	0.30

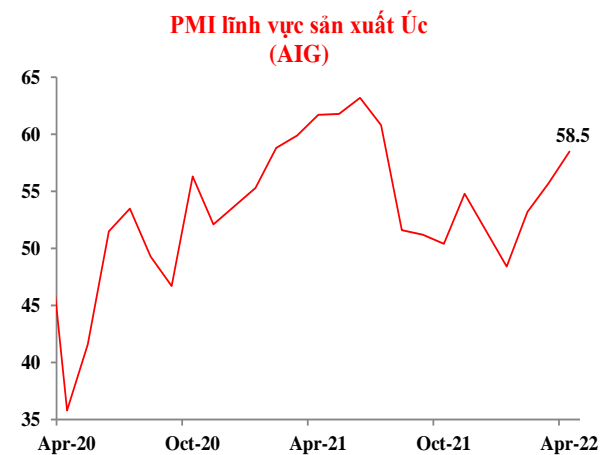
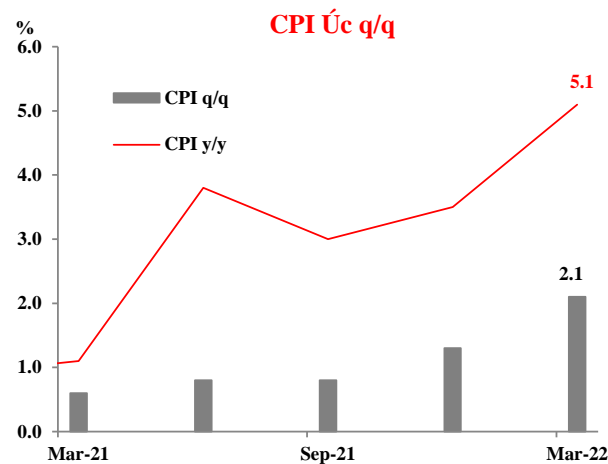
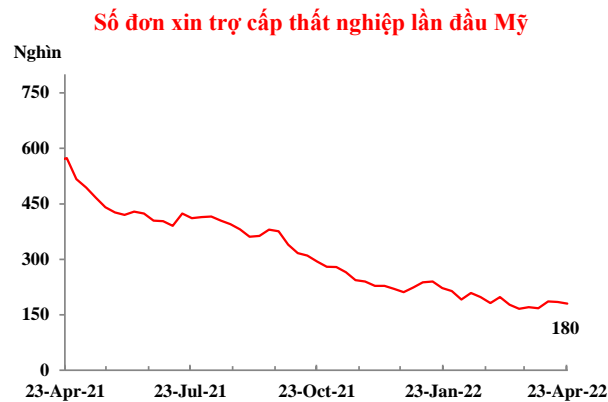
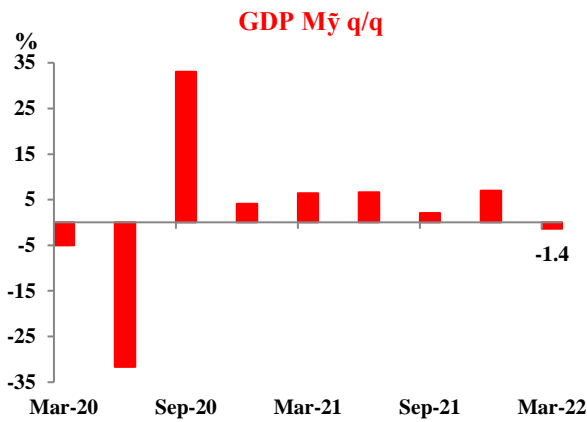


Thị trường chứng khoán

	29/04/22	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm		1366.80	365.83	104.31
thay đổi so với tuần trước		-0.90%	1.87%	0.15%
thay đổi so với đầu năm		-8.78%	-22.82%	-7.43%
KLGD/phiên (tr.đ.v)		618.72	78.57	0.05
thay đổi so với tuần trước		-11.95%	16.16%	-99.96%
GTGD/phiên (tỷ đ)		17913.97	1669.86	0.0008
thay đổi so với tuần trước		-13.30%	-6.65%	-47.54%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)		(891.79)	13.12	0.00

Tuần trước kỳ nghỉ lễ từ 25/04 - 29/04, thị trường chứng khoán tiếp tục giảm rất mạnh phiên đầu tuần, nhưng đã hồi phục phần nào các phiên sau đó. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần 29/04, VN-Index đứng ở mức 1.366,80 điểm, tương ứng giảm nhẹ 12,43 điểm (-0,90%) so với tuần trước đó; HNX-Index tăng 6,71 điểm (+1,87%) đạt 365,83 điểm; UPCOM-Index tăng 0,16 điểm (+0,15%) còn 104,31 điểm.

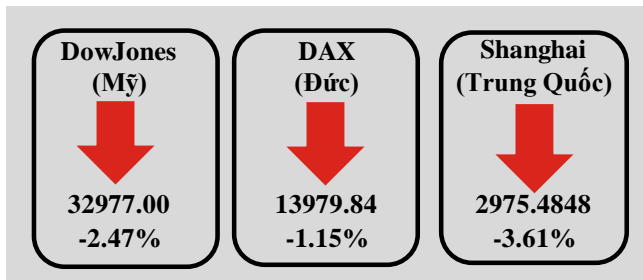
Thanh khoản thị trường ở mức rất thấp với giá trị giao dịch trung bình gần 19.600 tỷ đồng/phiên. Khối ngoại bán ròng gần 879 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tuần qua.



Trong những ngày qua, nước Mỹ đón nhiều chỉ báo quan trọng. Đầu tiên, GDP Mỹ giảm 1,4% q/q trong quý 1/2022 sau khi tăng 6,9% ở quý trước đó (mức tăng lớn nhất kể từ 1984), trái với dự báo tiếp tục tăng 1,1%. Tiếp theo, chỉ số giá tiêu dùng PCE lõi của nước này tăng 0,3% m/m trong tháng 4, bằng mức tăng của tháng trước đó và khớp với dự báo. Chỉ số niềm tin tiêu dùng thị trường Mỹ trong tháng 4 là 107,3 điểm, gần như đi ngang so với 107,2 điểm của tháng 3, và thấp hơn một chút so với dự báo ở mức 108,5 điểm. Ở lĩnh vực sản xuất, PMI do ISM khảo sát được ở mức 55,4% trong tháng 4, giảm từ 57,1% của tháng 3 và trái với kỳ vọng tăng lên 57,5%. Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền toàn phần tại Mỹ tăng 1,1% m/m trong tháng 3 sau khi giảm 0,6% ở tháng 2, cao hơn mức tăng 0,5% theo dự báo. Bên cạnh đó, giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi tăng 0,8% m/m trong tháng 3 sau khi giảm mạnh 2,1% ở tháng trước đó, gần đạt kỳ vọng tăng 1,0%. Cuối cùng, về thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 23/04 ở mức 180 nghìn đơn, giảm nhẹ từ 184 nghìn đơn của tuần trước đó và cao hơn một chút so với mức 178 nghìn đơn theo dự báo. Trong tháng 4, nước này tạo ra 11,55 triệu cơ hội việc làm mới, cao hơn mức 11,34 triệu của tháng 3 và đồng thời cao hơn mức 11,19 triệu theo kỳ vọng. Ngày 03-04/05, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ - Fed có phiên họp quan trọng về CSTT. LSCS của Fed được dự báo sẽ tăng 50 điểm cơ bản, lên mức 0,75% - 1,0%. Kết quả cuộc họp sẽ được thông báo vào sáng sớm ngày mai 05/05 theo giờ Việt Nam.

NHTW Úc RBA tăng LSCS trở lại, đồng thời nước này cũng đón một số chỉ báo kinh tế đáng chú ý. Trong phiên họp diễn ra ngày hôm qua 03/05, RBA cho rằng triển vọng tăng trưởng của Úc được duy trì ở trạng thái tích cực, mặc dù vẫn có những rủi ro từ quốc tế. Nhiều chỉ báo tích cực đang xuất hiện, trong đó có những con số từ thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp hiện đã giảm xuống mức 4%. Theo đó, RBA cho rằng đây là thời điểm thích hợp để tăng LSCS. Cơ quan này quyết định tăng lãi suất 25 điểm cơ bản, lên mức 0,35%, mạnh hơn mức tăng 15 đcb theo dự báo từ các chuyên gia của Reuters, đồng thời đánh dấu lần tăng LSCS đầu tiên của cơ quan này kể từ tháng 11/2010. Thống đốc của RBA, ông Philip Lowe cũng cho biết, lạm phát đã tăng mạnh hơn dự báo mặc dù vẫn còn thấp hơn so với các nền kinh tế phát triển khác. CPI của nước Úc trong quý 1 tăng 2,1% q/q, và tăng 5,1% y/y. Liên quan tới các thông tin kinh tế khác, chỉ số giá sản xuất PPI tại Úc tăng 1,6% q/q trong quý đầu năm, sau khi tăng 1,3% ở quý trước đó và cao hơn một chút so với mức 1,5% theo dự báo. PMI lĩnh vực sản xuất của nước Úc do AIG khảo sát được ở mức 58,5 điểm trong tháng 4, tăng lên từ mức 55,7 điểm của tháng 3.

Chỉ số chứng khoán tuần



Thị trường ngoại hối, vàng, dầu quốc tế

	29 Apr 22	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2021 (%)
USD index	103.59	2.34%	7.94%	6.71%
USD/CNY	6.62	1.90%	4.29%	-2.65%
USD/EUR	0.95	2.67%	8.13%	7.43%
USD/JPY	130.64	1.62%	13.52%	11.47%
USD/KRW	1269.20	2.02%	6.84%	9.54%
USD/SGD	1.39	1.04%	2.68%	2.13%
USD/TWD	29.47	0.68%	6.35%	-1.29%
USD/THB	34.37	1.18%	3.43%	10.62%
USD/VND Trung tâm	23140	0.07%	-0.02%	0.06%
USD/VND LNH	22957	-0.06%	0.71%	-1.32%
USD/VND tự do	23465	0.71%	0.06%	0.64%
Vàng	1896.99	-1.70%	3.75%	-3.59%
Dầu	104.90	2.77%	39.48%	55.01%

LIBOR

SIBOR

Kỳ hạn	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3250	-0.0014		
1M	0.8000	0.0966	0.0000	-0.6721
3M	1.2860	0.0723	0.0000	-0.8211
6M	1.8481	0.0244	0.0000	-0.8211
1Y	2.5491	-0.0576		

Thị trường chứng khoán thế giới tuần trước đồng loạt giảm điểm. Kết thúc phiên thứ Sáu, chỉ số Dow Jones giảm 2,47% w/w, chỉ số DAX giảm 1,15% và chỉ số Shanghai giảm mạnh 3,61%. Thị trường chứng khoán thế giới ảm đạm khi các nhà đầu tư chờ đợi các quyết định của Fed trong tuần này. Việc lãi suất bị đẩy lên nhanh chóng có thể khiến dòng vốn bị đảo ngược, hướng đến những tài sản an toàn hơn như TPCP.

Giá vàng giảm trong tuần vừa qua, đóng cửa phiên ngày thứ Sáu ở mức 1.896,99 USD/oz, tương đương giảm 1,70% w/w. Giá kim loại quý này cũng chịu nhiều áp lực khi sức mạnh đồng USD liên tục tăng lên và đã đạt ngưỡng cao nhất sau 7 năm.

Giá dầu tăng nhẹ trong tuần qua. Kết thúc phiên thứ Sáu, dầu WTI ở mức 104,90 USD/thùng, tương tăng 2,77% w/w. Giá của mặt hàng này gần như đã đi qua thời kỳ biến động mạnh nhất kể từ đầu năm. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cảnh báo giá dầu có thể biến động mạnh trở lại, phụ thuộc nhiều vào diễn biến chiến sự tại Ukraine và các chính sách cấm vận mới của phương Tây.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích
Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn